

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Đắc Hai
Last Middle First

Current Address: 67 Ngõ văn Nghi P. 7 Q. Gò Vấp

Date of Birth: 07/22/45 Place of Birth: Gò Vấp

Previous Occupation (before 1975) Anti Rev.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/06/78 To 04/12/83
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Quân D

O.D.P

Cant

~~Handwritten signature~~

Sài Gòn, ngày 10 Tháng 3 năm 1986

Kính Bà -

Tôi tên Nguyễn Đức Hai - hiện ngụ tại số 67,
Đường Nguyễn Văn Nghi Phường 7 Quận Gò Vấp

Thưa bà - Trước kia tôi đã phục vụ trong quân đội Việt Nam
may mắn được biết thông ý của bà
chúng tôi kính mong được sự Quan Tâm giúp đỡ
của bà - để gia đình tôi sớm được sang ly nạn
tại Hoa Kỳ

Một lần nữa chúng tôi kính mong Bà thông cảm
cho hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi hết sức tin
tưởng ở sự thiện chí của Bà và gia đình của bà,
hy vọng mọi ước nguyện của chúng tôi
sớm được thành tựu.

Kính mong Bà nhận cho mọi sự lòng thành kính tri ân
củ gia đình chúng tôi

Kính chào Bà
Nguyễn Đức Hai

Tru



Trần Văn Hải
Sinh 22/7/1945
gia đình



Trần Thị Lệ
6/5/1944. gia đình



Trần Văn Cường
24/11/1962. gia đình



Trần Văn Bình
24/10/64. gia đình



Trần Văn Quan
26/11/1966. gia đình



Trần Thị Hương
12/2/1969. gia đình



Trần Thị Duyên
5/6/1972. gia đình



Trần Kim Anh
12/4/1974. gia đình

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS Câu hỏi dành cho người nộp đơn

ODP N:

Date:
 Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền đầy đủ vào câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết tiếng Anh thì bằng tiếng Việt.

-Mail or send the completed questionnaire to
 gửi về câu hỏi này tới:

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM.

Panya Bhoom Building
 124 Sathorn Tai Road.

Bangkok 10120 THAILAND.

Sex/phái: NAM

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản

1. Name / Họ và tên: NGUYỄN ĐẮC HẢI

2. Other Name / Họ tên khác:

3. Date, place of birth / Ngày nơi sinh: 22-7-1965 Gia Định

4. Residence address / Địa chỉ thường trú: 67 Nguyễn Văn Nghi Phường 7 Quận Gò Vấp

5. Mailing address / Địa chỉ thư tới: 67 Nguyễn Văn Nghi Phường 7 Quận Gò Vấp

6. Current occupation / Nghề nghiệp hiện tại: THỢ MỘC

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cũng đi với tôi:

NOTE: your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M) divorced (D) widowed (W) or single (S).

Chú ý: vợ chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Ghi khai tình trạng gia đình như sau: đã lập gia đình (M) đã ly hôn (D) góa phụ / góa chồng (W) hoặc độc thân (S).

Name Họ và tên	Date of Birth Ngày sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex phái	MS tình trạng gia đình	Relationship liên hệ gia đình
Nguyễn Đức Hải	22-7-1965	Gia Định Gò Vấp	Nam	M	
Nguyễn Thị Tỷ	8-5-1944	Gia Định Gò Vấp	Nữ	M	Vợ
Nguyễn Văn Cường	24-11-1962	Gia Định Gò Vấp	Nam	S	Con
Nguyễn Văn Minh	24-10-1964	Quận Năm Sg	Nam	S	Con
Nguyễn Văn Quân	28-11-1966	Quận Gò Vấp	Nam	S	Con
Nguyễn Thị Hoàng	12-2-1969	Gia Định Gò Vấp	Nữ	S	Con
Nguyễn Thị Duyên	5-6-1972	Gia Định Gò Vấp	Nữ	S	Con
Nguyễn Kim Ánh	12-4-1974	Gia Định Gò Vấp	Nữ	S	Con

-NOTE: For the persons listed above we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorced decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed) identification cards (if any) and photos of any of the above accompanying relatives do not live with you please not their addresses in section 2 below.

Chú ý: - Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần mỗi người 1 bản khai sinh, giấy Hu (nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly hôn) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng) -th căn cước (nếu có) và hình ảnh. Nếu bà con sẽ cũng đi với bạn, không chung ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần 2.

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoài quốc

1. Closest relatives in the US

of my self / của tôi

of my spouse

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ

A. Name / Họ tên:

B. Relationship / liên hệ gia đình:

C. Address / địa chỉ:

D. Date of relatives arrival in the USA / Ngày bà con đến Mỹ:

2. Closest relatives in other foreign countries / Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

A. Name / Họ tên:

B. Relationship / liên hệ gia đình:

C. Address / địa chỉ:

- D. COMPLETE FAMILY LISTING (living/dead) Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father/cha: nguyễn đặc châu (chết)
 2. Mother/mẹ: nguyễn thị thanh (chết)
 3. Spouse/vợ chồng: nguyễn thị tỷ (sống)
 4. Former spouse (if any) vợ/chồng trước (nếu có):
 5. Children/con cái:
nguyễn đặc Hải
nguyễn thị Tỷ - vợ
nguyễn văn Chuông - con
nguyễn văn Minh con
nguyễn Văn Quân con
nguyễn thị Hương con
nguyễn thị Duyên con
nguyễn Kim Anh con

6. Siblings/anh chị em: nguyễn đặc Thanh + nguyễn văn Mít + nguyễn đặc Đô
anh - nguyễn đặc Thanh (sống) Đuối hiền nghĩa Phường 2 Bình Thạnh
em - nguyễn văn Mít (sống) Bạch Đằng Phường 4 Bình Thạnh
em - nguyễn đặc Đô (sống) Tỉnh Bình Tuy

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION OF YOU OR YOUR SPOUSE Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ:

1. Employee name/tên họ nhân viên:
 2. Position title/chức vụ:
 3. Agency/company/office/sở/hãng/văn phòng:
 4. Length of employment Thời gian làm việc From/Đến:
 5. Name of american superior/tên họ giám thị Mỹ:
 6. Reason of separation/lý do nghỉ việc:

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF By you or your spouse Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam

1. Name of person serving/tên người tham gia: nguyễn đặc Hải
 2. Dates/Ngày tháng năm 22-7-1966 From/Đến: 1966 To/đến: 30-4-1975
 3. Last rank/Cấp bậc cuối cùng: Hạ Sĩ nhất Serial number/số thẻ nhân viên: 65/1618
 4. Ministry/office/military unit: Đội/Sở Binh chủng: Biệt Động Quân / Tiểu đoàn 35 Biệt Động Quân
 5. Name of supervisor/có/tên người giám thị/tổ chức chỉ huy: Thiếu tá Nguyễn Đức Kế Giai
 6. Reason of separation/lý do nghỉ việc: 30-4-1975
 7. Name of american supervisor/tên người giám thị Mỹ:
 8. US Training Courses in Vietnam
- chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam

9. US awards or Certificates
Name of award/phần thưởng hoặc giấy khen date received/ngày nhận:
 NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available - available? yes? No?
Chú ý: Xin bạn kèm theo bản cũ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư (nếu có) tương tự có không?

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc:

1. Name of student/trainee/tên học sinh viên/người được huấn luyện:
 2. School and school address/trường và địa chỉ nhà trường:
 3. Dates/Ngày tháng năm: From/Đến: To/đến:
 4. Description of Courses/nội tả ngành học:

5. Who paid for training/ai đài thọ chương trình huấn luyện:

NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available - available? yes? No?
Chú ý: Xin bạn kèm văn bằng hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có? Không?

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of person in Reeducation/Họ tên người đi học tập cải tạo: Nguyễn Đức Hải
2. Time in Reeducation/Thời gian học tập: 5 năm From/Bắt: 6-5-1978 To/Đến: 12-4-1983
3. Still in Reeducation/Vẫn còn học tập cải tạo: yes/có No/không:
if released we must have a copy of your release certificate.
Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại.

I. ANY ADDITIONAL REMARKS/Cuộc chú phụ thuộc

đã 1 lần gọi cho Sở an ninh, đến hai lần vào năm 1984
xin được đi định cư bất cứ nước tự do trên thế giới
vẫn còn tạm trú tại 67 Nguyễn Văn Phú Phường 7 Quận Gò Vấp

-Signature/Lý tên: Đan Nguyễn Đức Hải

Dates/Ngày: 10-3-1986

J. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- 01 Bản sao giấy ra trại
- 01 Hòn 2 lư
- 08 giấy khai sinh
- 16 ảnh 4x6

Trại CT Xuyên Mộc
Số 233 CRT

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

236 ngày 27 tháng 11
năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số 255 ngày 14 tháng 3 năm 1983

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Đức Hải** Sinh năm 1945

Các tên gọi khác:

Nơi sinh **Định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **Đường Gia Long, P.3 quận**

Cố cấp, TP. Hồ Chí Minh

Cán tội **Tham gia t/c P.C.**

Bị bắt ngày **6/5/1978**

Án phạt **10T**

Theo quyết định, án văn số **1383** ngày **27** tháng **2** năm **79** của **UBND. TP.**

Hồ Chí Minh

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **Trú quán trên. Toàn chế 12 tháng**

Nhận xét quá trình cải tạo

Có phần an tâm học tập cải tạo xác định rõ vị trí cải tạo của bản thân, chưa có biểu hiện gì xấu, lao động này giờ công đảm bảo, nhiệt tình hoàn thành kế hoạch được giao có ý thức bảo vệ tài sản của trại.

Chấp hành nội quy chưa sai phạm gì lớn.

Đề nghị địa phương tiếp tục giúp đỡ tiếp.

Đương sự phát triển diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lưu tại hồ sơ
Của **Nguyễn Đức Hải**
1040
Hồi môn

Chữ tên chữ N
người được cấp giấy

Ngày 12 tháng 4 năm 1983
P. Giám thị

Nguyễn Đức Hải
S. 53/14

CHỨNG NHẬN ĐÓNG

Xuất trình

N. 24

02

6

quốc

Willat



BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1945

Số hiệu: 897

Tên, họ, đủ nhì	NGUYỄN-LẮC-HAI
Phối	Con trai
(ngày, tháng, năm)	Lê vingt deux Juillet mil neuf cent quarant cinq.
Tại	Bình-Hòa-Ấ
Cha	Nguyễn-Bắc-Chức
(Tên, họ)	Thợ-mộc
Nghề	Bình-Hòa-Ấ
Cư-trú tại	Nguyễn-thị-Thanh
Mẹ	làm việc nhà
(Tên, họ)	Bình-Hòa-Ấ
Nghề	vợ-chánh
Cư-trú tại	
Vợ	
(Chánh hay thứ)	

Chúng tôi Hội-đồng Xã

Chứng nhận cho hợp-pháp chữ ký tên của

Ông: Hội-viên Hộ-tịch

Xã:

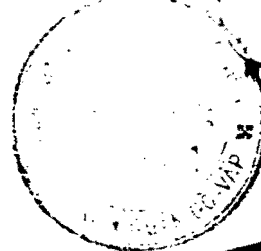
, ngày tháng năm 19

Chữ ký của
T.L. Quận-Tổng
Phó Quận-Trưởng
NGUYỄN-VĂN-BL

Trích y bản chánh:

Nhà Bình-Hòa-Ấ, ngày tháng năm 19

Hội-viên Hộ-tịch



CH. NAM CỘNG-HOÀ
République du Viet-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viet-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THẨM SAIGO

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

HÀNH THÔNG XA

GIA ĐÌNH

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viet-Nam)

NĂM 1944
(Année)

SỐ HIỆU 303
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI TY
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sanh ngày nào (Date de naissance)	8 / 5 / 1944
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hành thông xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	/
Cha làm nghề gì (Sa profession)	/
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	/
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYEN THI TUYEN
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Coi việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hành thông xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	/

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyen Thai Thuong
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

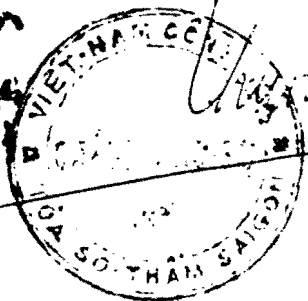
Trích y bốn chánh:
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 21 / 10 / 1964

A. T. CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Saigon, ngày 21 / 10 / 1964

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.



Giá tiền: 5

(Coût)

Biên-lai số: 47233/700

(Quittance no)

Năm 1965

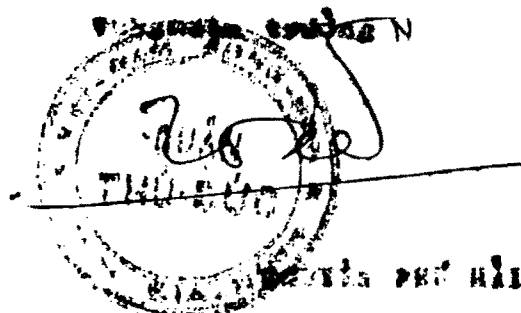
Số hiệu: 1576

Người chồng: (Tên, họ)	<u>Nguyễn Văn Hai</u>
Sanh tại:	<u>Định Hòa xã, Gia Định</u>
Sanh ngày:	<u>22.7.1945</u>
Cha chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Văn Châu (s)</u>
Mẹ chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Thị Thanh (s)</u>
Người vợ: (Tên, họ)	<u>Nguyễn Thị Tỷ</u>
Vợ (chánh hay vợ thứ)	<u>Vợ chánh</u>
Sanh tại:	<u>Hạnh Thông xã, Gia Định</u>
Sanh ngày:	<u>03.5.1944</u>
Cha vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Văn Năm (s)</u>
Mẹ vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Thị Truyền (s)</u>
Ngày cưới:	<u>Lập ngày 02.12.1965</u>

Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chính-thức không? Không
 Họ tên, niên, ngày sanh, nơi sanh, Đã khai
 của mỗi con tư-sanh nhận là con Đã khai
 chính-thức. Đã khai

Chúng tôi chữ ký bên đây là của Đã khai
 kiêm Ủy viên Hộ-tịch Xã Tân Bình
Trước, ngày 11 tháng 11 năm 1965
Tân Bình xã, ngày 11 tháng 11 năm 1965

CHỦ-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH



VIỆT-NAM CỘNG-H

TỈNH GIA-ĐÌNH

BÌNH-HÒA

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1962

HỒ SƠ QUẢN LÝ

Số hiệu 8701

Đã được Nguyễn-Bác-
hai và Nguyễn-Thị-Tý
nhìn nhận là con
đặt tên là Nguyễn-
Van-Chương công khai
được hợp pháp hóa
do chứng thư học
số 1500, tại xã
Bình-Hòa ngày

Tên, họ ấu nhi

Phái

Sanh

(ngày, tháng, năm)

Tại

Cư trú tại

Mẹ

(Tên, họ)

Nghề

Cư trú tại

Vợ

(Chánh hay thứ)

NGUYỄN - VAN - CHƯƠNG

Nam

Ngày hai mươi bốn tháng mười một
năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai

Đã sanh Trần-Thị-Anh ở Bình-Hòa

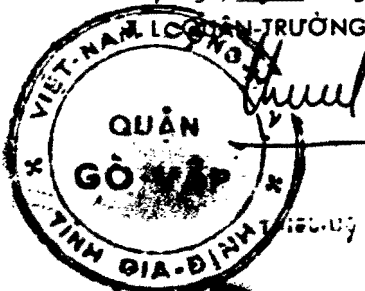
Nguyễn-Thị-Tý

Nội trợ

Xã Bình-Hòa

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Bình-hòa

Cò-Vấp ngày 7 tháng 1 năm 1967



NGUYỄN-VĂN-THÀNH
PHỤ-TA

Trích y bản chính:

Bình-hòa, ngày 7 tháng 1 năm 1967

CHỦ-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH,

D - THÀNH * SAIGON

HỘ - TỊCH

A HÀNH-CHÁNH QUẬN NAM

TR.6

hiệu : I0664A

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

N PHI QUAN VU

Tên, họ đứa nhỏ.	NGUYEN VAN MINH
Phái	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn hồ số 8G40.
Nơi sanh.	387 đại lộ Minh Mạng
Tên, họ người Cha	NGUYEN ĐAC HAI, khai nhĩn là con ngày 28.10.1964.
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiệp.	Thợ mộc
Nơi cư-ngụ	166 đường Sư vạn Hạnh
Tên, họ người mẹ.	NGUYEN THI TY, khai nhĩn là con ngày 2.12.1965.
Tuổi	Hai mươi
Nghề-nghiệp.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	166 đường Sư vạn Hạnh
Vợ chánh hay thứ	Đã được hợp pháp hóa do hôn thú lập giữa cha mẹ ngày 2.12.1965.



TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 8 năm 1967

QUẬN NAM

CÁC QUAN QUẢN LÝ

CỘNG-HÒA

XÃ THANH MỸ TÂY

GIA-ĐÌNH

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

1966

Năm

HỒ SƠ CỘNG ĐỘI

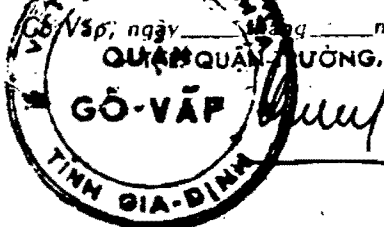
Số hiệu

1994

Tên, họ đầu nhi	NGUYỄN VĂN QUAN
Phái	NAM
Sinh (ngày, tháng, năm)	Ngày hai mươi tám, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu
Tại	Nhà sanh "BÌNH DÂN" Thanh mỹ tây
Cha (Tên, họ)	NGUYỄN ĐẮC HAI
Mẹ (Tên, họ)	quân nhân
Cư trú tại	Thanh mỹ Tây
Mẹ (Tên, họ)	NGUYỄN THỊ TÝ
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Thanh mỹ Tây
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ chánh

Chứng thật cho họ tên đầu nhi là Ông Chủ tịch Ủy-viên Hộ tịch Xã

Trích y bản chánh :
Thanh mỹ Tây, ngày 16 tháng 8 năm 1967
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,



TRÍCH-ÚC NGUYỄN-VĂN-THANH
PHỤ-TA



MƯỜN VƯỜN (PHU-THU)

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P2

trên BH

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận GVThành phố, Tỉnh GD

BẢN SAO

Số 528Quyển số

GIẤY KHAI SANH

Họ và tên	NGUYEN THI HƯƠNG		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 12 tháng 2 năm 1969		
Nơi sinh	BS. Trần thị Anh, BH		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi, hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYEN ĐẮC HAI	NGUYEN THI TẾ	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 24 tháng II năm 83M/UBND BH ký tên và đóng dấuĐóng ký ngày 14 tháng 2 năm 69

(Ký tên đóng dấu, ghi số cấp họ)

Chân viết Long

BẢN NHẬN ĐƠN

CHUNG HOA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tên đơn TMT

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tên và Quốc GV

Thành phố, Tỉnh GD

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số

Quyển số

Họ và tên

NGUYỄN THỊ DUYỀN

Nam, Nữ nữ

Sinh ngày
tháng, năm

ngày 5 tháng 6 năm 1972

Nơi sinh

Thị trấn Mỹ Tây

KHAI VỀ CHA MẸ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc
ngày, tháng, năm sinh

NGUYỄN ĐỨC HAI

NGUYỄN THỊ TÝ

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Quan chức

Nội trợ

Nơi ĐKNK thường trú

Thị trấn Mỹ Tây

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc C.N.C.C, của
người đứng khai

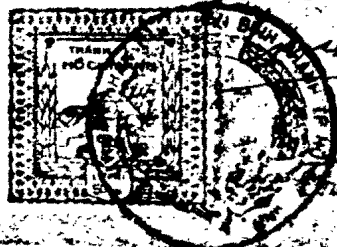
NHẬN TRỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 11 năm 83

IM/UBND. BT ký tên và đóng dấu

Đang ký ngày 8 tháng 6 năm 72

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ dân họ)



BỘ NỘI VỤ
Trại **CT Xuyên nội**
Số **233** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mã số 001-Q.10, ban hành theo công văn số 250, ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUGLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BQA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số **255** ngày **14** tháng **3** năm **1983**

của **Bộ nội vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn đảo Hải** Sinh năm 19 **45**

Các tên gọi khác:

Nơi sinh **Định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **Đường Gia Long, P. 3 quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh**

Cán tội **Tham gia t/o PC**

Bị bắt ngày **6/5/1978** Án phạt **TRỌT**

Theo quyết định, án văn số **138** ngày **17** tháng **2** năm **79** của **UBNN. TP. Hồ Chí Minh**

Đã bị tống án **lần, cộng thành** năm **tháng**

Đã được giảm án **lần, cộng thành** năm **tháng**

Nay về cư trú tại **Trú quán trên. Hoàn chế 12 t tăng**

Nhận sự quá trình cải tạo

Có phần an tâm học tập cải tạo xác định ở vị trí cải tạo của bản thân, chưa có biểu hiện gì xấu, im lặng này giữ công dân bảo, nhiệt tình hoàn thành các khoản đóng góp có ý thức bảo vệ tài sản nhà nước của trại.

Chấp hành nội quy chưa sai phạm gì lớn.

Đề nghị địa phương giúp đỡ tiếp.

Đường sự phát triển diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **tháng** năm 19

Lưu tay người trả giấy
Của **Nguyễn đảo Hải**
1040
Họ tên

họ tên chữ và
người được cấp giấy

Ngày **12** tháng **4** năm **1983**
P. Giám thị

Handing
Nguyễn đảo Hải

Số **53/14**

CHỨNG NHẬN GIỐNG VẬT CHỨNG

XUẤT CHỨNG NHẬN GIỐNG VẬT CHỨNG

Ngày **24** tháng **04** năm **1986**

CHỖ MANG LƯU PHƯƠNG 7

đơn

Trần Văn Hùng

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1955

Số hiệu: 597

Tên, họ, đủ nhì	HOÀNG-Đ
Phối	con trai
(ngày, tháng, năm)	Le vingt deux juillet 1951 neu' cont. qu'on a
Tại	Bình-Đ
Cha	Nguyễn-Đ
(Tên, họ)	Thợ-mộc
Nghề	Bình-Đ
Cư-trú tại	Nguyễn-Đ
Mẹ	Bình-Đ
(Tên, họ)	làm việc nhà
Nghề	Bình-Đ
Cư-trú tại	Bình-Đ
Vợ	Bình-Đ
(Chánh hay thứ)	

Chúng tôi Hội-đồng Xã

Chứng nhận cho hợp-pháp chữ ký tên của

Ông: Hội-viên Hộ-tịch

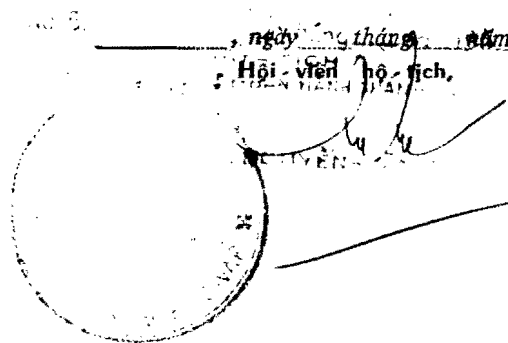
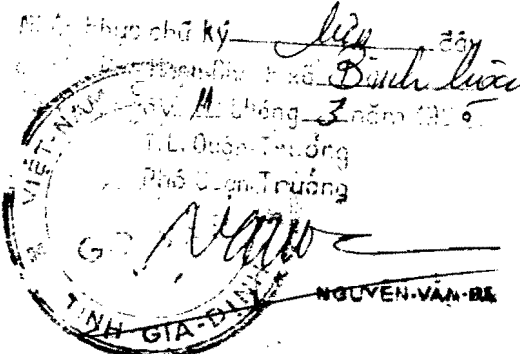
Xã:

, ngày tháng năm 19

Trích y bản chính:

, ngày tháng năm 19

Hội-viên hộ-tịch,



NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

TOÀ HÀNH-CHÁNH QUẬN NAM

TR.6

Số hiệu : I0664A

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn (1964)

MIEN PHI QUAN VU

Tên, họ đứa nhỏ.	NGUYEN VAN MINH
Phái	Nam
Ngày sanh.	Hai mươi bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn hồ số 8640.
Nơi sanh.	387 đại lộ Minh Mạng
Tên, họ người Cha	NGUYEN ĐAC HAI, khai nhĩn là co ngày 28.10.1964.
Tuổi	Mười chín
Nghề-nghiep.	Thợ mộc
Nơi cư-ngụ	166 đường Sư vạn Hạnh
Tên, họ người mẹ.	NGUYEN THI TY, khai nhĩn là con ngày 2.12.1965.
Tuổi	Hai mươi
Nghề-nghiep.	Nội trợ
Nơi cư-ngụ.	166 đường Sư vạn Hạnh
Vợ chánh hay thứ	Đã được hợp pháp hóa do hôn thú lập giữa cha mẹ ngày 2.12.1965.



TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÁNH :

Saigon, ngày 7 tháng 8 năm 1967.

QUẬN NAM

SỞ HÀNH CHÁNH SAIGON

CỘNG-HÒA

GIA-ĐÌNH

XÃ THANH MỸ TÂY

BỒN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

1966

Năm

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

Số hiệu

1994

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN VĂN QUAN
Phái	NAM
Sinh	ngày hai mươi tám, tháng mười một, năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu
(ngày, tháng, năm)	Nhà sanh "BÌNH DÂN" Thanh mỹ tây
Cha	NGUYỄN ĐẮC HAI
(Tên, họ)	Quân nhân
Mẹ	Thanh mỹ Tây
(Tên, họ)	NGUYỄN THỊ TÝ
Nghề	Nội trợ
Cư trú tại	Thanh mỹ Tây
Vợ	Vợ chánh
(Chánh hay thứ)	

Chứng thật cho tên dân quân là Ông Chủ tịch
Ủy-viên Ủy ban Hộ tịch

8

7

Gõ Vấp, ngày tháng năm 1966

QUẢN QUÂN QUANG

GÕ-VẤP

TỈNH GIA-ĐÌNH

THIỆU ỦY NGUYỄN-VĂN-THANH
PHỤ-TA

Trích y bản chánh :

Thanh mỹ Tây, ngày 16 tháng 8 năm 1966

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

Chủ tịch Ủy Ban Hộ tịch
Kiêm Hộ tịch



MƯỜN VĂN PHƯƠNG

BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

trên BH

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã, Quận GVThành phố, Tỉnh GD

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

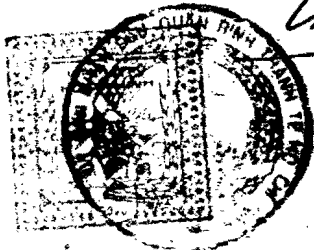
Số 528Quyển số

Họ và tên	NGUYEN THI HƯƠNG		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 12 tháng 2 năm 1969		
Nơi sinh	BS. Trần thị Ánh, BH		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi, hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYEN ĐẮC HAI	NGUYEN THI TH	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C. của người đứng khai.			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHANH

Ngày 24 tháng II năm 83Đóng ký ngày 14 tháng 2 năm 69

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên họ)

BAN/UBND BH ký vào và đóng dấu

Chân chữ Long

IV. BAN NHÂN DÂN
Thị trấn TMT
Thị xã, Quận GV
Thành phố, Tỉnh GD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu số 1/72

BẢN SAO

GIẤY KHAI SANH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	NGUYEN THI DUYEN		Nam, Nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	ngày 5 tháng 6 năm 1972		
Nơi sinh	Thành phố Tây		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	NGUYEN DUC HAI	NGUYEN THI TUY	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quan nhân	Nơi trú	
Nơi ĐKNK thường trú.	Thành phố Tây		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc C.N.C.C, của người đứng khai.			

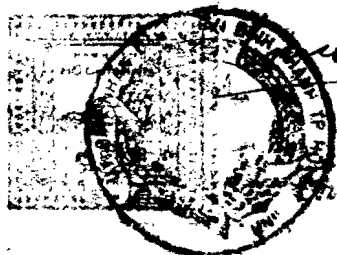
NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 11 năm 83

IM/UBND BT ký tên và đóng dấu

Đã ký ngày 8 tháng 6 năm 72

(Ký tên đóng dấu, ghi số năm họ)



Cho năm 1983

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ PHÁT-TRIỂN BÌNH-HÒA

Số hiệu 0627

HỒ SƠ QUẢN LÝ
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

KIỂM-SỐ
Đã-Ty

Lập ngày 16 tháng 4 năm 1974

Tên họ đứa trẻ	ĐINH - VĂN - ANH
Con trai hay con gái	Con trai
Ngày sanh	Ngày 01/01/1974, tháng 01, năm một nghìn chín trăm bảy mươi bốn
Nơi sanh	Tên họ người cha
Tên họ người cha	Nguyễn-Văn-Hai
Tên họ người mẹ	Nguyễn-Văn-Lý
Vợ	Vợ chính
Tên họ người đứng khai	ĐINH-VĂN-THUNG

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Bình - Hòa, ngày 17 tháng 4 năm 1974



MIỄN THỊ-THỰC

Tham-Chiếu : số 4366/BNV/HC/29 ngày 3-8-70

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH GIA-ĐÌNH

BÌNH-HÒA

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1962

HỒ SƠ QUÂN ĐỘI

8701

Đã được Nguyễn-bác-hai và Nguyễn-thị-ý
nhìn nhận là con và
đặt tên là Nguyễn-
Van-chương, đồng thời
được hợp pháp hóa
độc chứng thu họ
số 1500, tại xã
Bình-hòa, ngày

Tên, họ ấu nhi

Phái

Sanh

(ngày, tháng, năm)

Chợ

(Tên, họ)

Cư trú tại

Mẹ

(Tên, họ)

Nghề

Cư trú tại

Vợ

(Chánh hay thứ)

NGUYỄN - VAN - CHUONG

Nam

ngày hai mươi bốn tháng mười một
năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai

Bao sanh Trần-thị-ảnh ở Bình-h

Nguyễn-thị-ý

Nội trợ

xã Bình-hòa

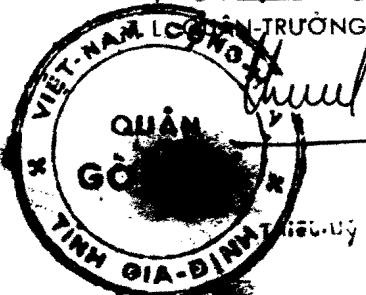
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Bình-hòa

Gõ-Vấp ngày 7 tháng 1 năm 1967

Trích y bản chánh:

Bình-hòa, ngày 7 tháng 6 năm 1967

ỦY-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH,



NGUYỄN-VĂN-THANH
PHỤ-TA

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THAM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

HÀNH THÔNG XA

GIA-DÌNH

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viet-Nam)

NĂM 1944
(Année)

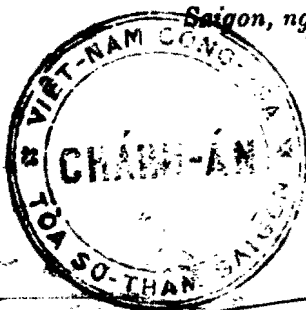
SỐ HIỆU 363
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN THI TY
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Con gái
Sanh ngày nào (Date de naissance)	8 / 5 / 1944
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hành thông xa
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	/
Cha làm nghề gì (Sa profession)	/
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	/
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYEN THI TUYEN
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Coi việc nhà
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hành thông xa
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	/

Chúng tôi, Ton that Hiep
(Nous)
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Nguyen Thai Thuong
(M)
Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Trích y bốn chánh :
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 21 / 10 / 1964
K.T CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Saigon, ngày 21 / 10 / 1964
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THAM/PHÁN.



Ghi tiền: 5

(Cổ)

Liên-lai số 47293/502

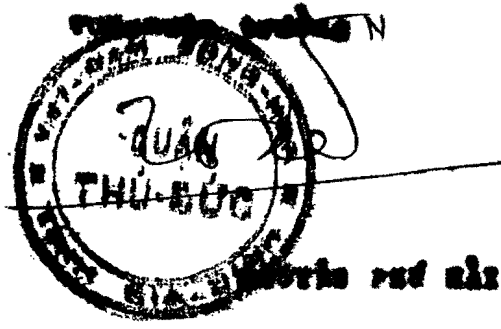
(Affidance no)

Người chồng: (Tên, họ)	<u>Nguyễn Văn Hai</u>
Sinh tại:	<u>Hải Ninh, Bắc Ninh</u>
Sinh ngày:	<u>02.7.1949</u>
Cha chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Văn Khoa (s)</u>
Mẹ chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Thị Thanh (s)</u>
Người vợ: (Tên, họ)	<u>Nguyễn Thị Mỹ</u>
Vợ (chánh hay vợ thứ)	<u>vợ chánh</u>
Sinh tại:	<u>Hải Ninh, Bắc Ninh</u>
Sinh ngày:	<u>02.9.1944</u>
Cha vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Văn Hải (s)</u>
Mẹ vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn Thị Trùng (s)</u>
Ngày cưới:	<u>Ngày 02.12.1961</u>

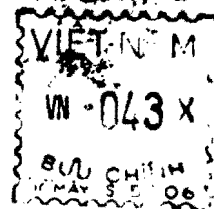
Vợ chồng có khai nhận con tư-
 sanh làm con chính-thức không?
 Họ tên, tuổi, ngày sinh, nơi sinh,
 của mỗi con tư-sanh nhận là con
 chính-thức.

1/ Nguyễn Văn Khoa và cô Nguyễn Thị Mỹ có một
con 1/ Nguyễn Văn Khoa, sinh ngày 24.12.1961
tại xã Hải Ninh, tỉnh Hải Ninh, số 1721 lập tại xã Hải
Ninh, quê theo họ cha là Nguyễn Văn Khoa.
 2/ Nguyễn Văn Hải, sinh ngày 2.12.1964 tại
xã Hải Ninh, tỉnh Hải Ninh, số 1721 lập tại xã Hải
Ninh, quê theo họ cha là Nguyễn Văn Hải.

Chứng thật chữ ký bên đây là của Thị y bốn mươi
 kiêm Ủy viên Hộ-tịch Xã Tam Bình, ngày 11 tháng 11 năm 1964.



Người gửi: Nguyễn đức Hải
67 Nguyễn văn Nghi. phường 7. quận Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam



PAR AVION VIA AIR MAIL

Thính gửi: Bà Dương Ngọc Dung
P.O. Box 5485. ARLINGTON VA 22205.0635

USA